

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản số: 21/2019/HNGS-ST

Ngày 10-7-2019

V/v "**Tranh chấp**

hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân

**Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Oanh

2. Ông Nguyễn Quang Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

- Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 96/2019/TLST-HNGĐ ngày 28/3/2019 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21/6/2019 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Anh Dương Văn Đ, sinh năm 1978 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Chợ, xã Cao Xá, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

** Bị đơn:* Chị Giáp Thị T, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Thượng, xã Cao Xá, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản lấy lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Dương Văn Đ trình bày:

Anh và chị Giáp Thị T kết hôn ngày 23/11/1999, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cao Xá, huyện Tân Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn Chợ, xã Cao Xá. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2010 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đỉnh điểm, do vợ chồng không còn tình cảm, bất đồng về quan điểm sống và không hợp nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng nên từ cuối năm 2015 cho

đến nay vợ chồng anh sống ly thân, không quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống tại thôn Thượng, xã Cao Xá. Gia đình hai bên đã hòa giải động viên nhiều lần để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh xin ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh Đ xác định vợ chồng có 02 con chung là Dương Thị Duyên, sinh ngày 21/11/2000 và Dương Đức Diễn, sinh ngày 20/11/2003. Hiện nay cháu Duyên đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Diễn hiện đang ở với anh. Ly hôn anh nhận tiếp tục nuôi con chung là Dương Đức Diễn, sinh ngày 20/11/2003. Anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hiện nay anh làm nghề thợ xây tự do, thu nhập trung bình 4 triệu đến 5 triệu đồng/tháng, anh không thể cung cấp bảng lương cho Tòa án được vì anh làm nghề xây tự do.

Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Đ giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung với chị T. Tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Anh xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với chị Giáp Thị T là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các giấy tờ nhưng tại các buổi hòa giải, làm việc của Tòa án chị T đều vắng mặt không có lý do và Tòa án đã thông báo cho chị T về việc các chứng cứ Tòa án đã thu thập có trong vụ án nhưng chị T không có ý kiến gì và không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa hôm nay chị Giáp Thị T vắng mặt.

Tòa án cũng đã tiến hành mở phiên hòa giải nhiều lần để hòa giải về quan hệ vợ chồng, con chung, án phí nhưng chị T từ bỏ quyền lợi của mình và đều không tiến hành hòa giải được do chị T vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn anh Đ chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chị T không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Đ 56; Đ 81; Đ 82; Đ 83 của Luật Hôn nhân gia đình. Khoản 4 Đ 147; Đ 271; Đ 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Đ 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị HĐXX, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Dương Văn Đ được ly hôn với chị Giáp Thị T.

Về con chung: Tiếp tục giao cho anh Đ nuôi dưỡng con chung là Dương Đức Diễn, sinh ngày 20/11/2003. Chị Giáp Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Dương Văn Đ phải chịu 300.000 đồng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa anh Đ và chị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Đ 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Đ 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về tố tụng: Chị Giáp Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Đ 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T.

* Đối với yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung của nguyên đơn anh Dương Văn Đ, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh Đ và chị T xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ Đ kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cao Xá, huyện Tân Yên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, anh Đ và chị T có một thời gian chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, vợ chồng không còn tình cảm. Tại biên bản lấy lời khai của anh Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn và Tòa án tiến hành giao các văn bản tố tụng cho chị T, Tòa án thông báo hòa giải chị T cũng không đến để Tòa án hòa giải và không có ý kiến gì để bảo vệ quyền lợi cho mình. Tại biên bản làm việc với bà Trần Thị Thọ là mẹ đẻ chị T cũng khẳng định vợ chồng anh Đ, chị T mâu thuẫn gia đình có khuyên bảo, động viên nhưng không thành. Anh Đ, chị T ly thân nhau từ cuối năm 2015 cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Xét mâu thuẫn giữa anh Đ, chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Đ 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh Đ xác định vợ chồng có 02 con chung là Dương Thị Duyên, sinh ngày 21/11/2000 và Dương Đức Diễn, sinh ngày 20/11/2003. Hiện nay cháu Duyên đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Diễn hiện đang ở với anh. Ly hôn anh nhận tiếp tục nuôi con chung là Dương Đức Diễn, sinh ngày 20/11/2003. Anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hiện nay anh làm nghề thợ xây tự do, thu nhập trung bình 4 triệu đến 5 triệu đồng/tháng, đủ Đ kiện để nuôi con. Cháu Diễn có bản tự khai là

nguyện vọng được ở với bố. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của anh Đ và giao cháu Diễm cho anh Đ tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Đ 81; Đ 82; Đ 83 của Luật Hôn nhân gia đình và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu Diễm. Sau khi ly hôn, chị Giáp Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị T thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

[3] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh Đ không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Anh Đ xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Đ 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Đ 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Đ 271, khoản 1 Đ 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 1 Đ 56; Đ 81; Đ 82; Đ 83; Đ 84 của Luật Hôn nhân gia đình;

Đ 28; Đ 35; khoản 3 Đ 144; khoản 4 Đ 147; điểm b khoản 2 Đ 227; Đ 271; khoản 1 Đ 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a Khoản 5 Đ 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Dương Văn Đ được ly hôn chị Giáp Thị T.
2. Về con chung: Giao cho anh Dương Văn Đ tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Dương Đức Diễm, sinh ngày 20/11/2003. Chị Giáp Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ.

Sau khi ly hôn, chị Giáp Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị T thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

3. Án phí: Anh Dương Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0002422 ngày 28/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận anh Dương Văn Đ đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND xã Cao Xá;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân